

Số: 158 /TTr-UBND

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2021.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Trong những năm qua, ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt của người dân đang trở thành vấn đề xã hội bức xúc, được các cấp, các ngành, các đoàn thể quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ưu tiên giành nguồn lực để xử lý, khắc phục. Theo số liệu thống kê, hiện nay khối lượng chất thải rắn (CTR) sinh hoạt phát sinh hằng ngày trên địa bàn toàn tỉnh khoảng 2.000 tấn/ngày.đêm và dự báo đến năm 2020 đạt khoảng 2.600 tấn/ngày.đêm (tăng 30,3%); tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt còn thấp, mới đạt khoảng 75 - 80% ở khu vực đô thị, đạt khoảng 55 - 60% ở khu vực nông thôn. CTR sinh hoạt được các công ty, tổ, đội vệ sinh môi trường thu gom về khu xử lý để chôn lấp hoặc đốt; ở khu vực chưa tổ chức thu gom, nhân dân đổ thải ra ven biển, sông, hồ, kênh, mương, đường giao thông hoặc chôn lấp trong khuôn viên gia đình, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống nhân dân.

Trước tình hình trên, UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã kêu gọi đầu tư, hỗ trợ vốn, kinh phí cho UBND các xã thực hiện việc thu gom, đầu tư xây dựng các khu xử lý CTR sinh hoạt hoặc lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt; đến nay, ngân sách tỉnh đã hỗ trợ đầu tư 28 dự án, trong đó có 22 dự án xử lý CTR bằng công nghệ chôn lấp và 04 dự án xử lý CTR bằng công nghệ đốt; đã có 22 dự án hoàn thành đầu tư đưa vào khai thác, sử dụng; ngân sách cấp huyện, cấp xã đã đầu tư 03 dự án xử lý CTR sinh hoạt bằng công nghệ đốt; các địa phương đã thu hút doanh nghiệp đầu tư 07 dự án xử lý CTR sinh hoạt bằng công nghệ đốt, với tổng công suất 310 tấn/ngày.đêm. Tổng nguồn vốn đầu tư các dự án xử lý CTR sinh hoạt đến nay khoảng 742,6 tỷ đồng; trong đó vốn ngân sách tỉnh khoảng 292 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện khoảng 138 tỷ đồng, ngân sách cấp xã khoảng 12,8 tỷ đồng; vốn của các doanh nghiệp khoảng 251 tỷ đồng; nguồn vốn huy động hợp pháp khác khoảng 48,6 tỷ đồng.

Từ thực tế bức xúc về ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt của người dân, nhu cầu cấp bách xử lý rác thải sinh hoạt ở các địa phương, để giảm bớt khó khăn cho ngân sách nhà nước các cấp, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất đai, khắc phục tình trạng xả thải bừa bãi, xử lý rác thải bằng phương pháp chôn lấp không đúng quy trình, việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh là thực sự cần thiết, tạo

điều kiện để thu hút đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa việc thu gom, xử lý chất thải rắn, rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh báo cáo và kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2021, với những nội dung sau:

1. Mục tiêu

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các khu xử lý CTR sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh bằng công nghệ hiện đại, phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

2. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

- Chủ đầu tư có dự án xử lý CTR sinh hoạt tại khu xử lý CTR xã Đông Nam, huyện Đông Sơn có công suất xử lý tối thiểu là 500 tấn/ngày.đêm bằng công nghệ hỗn hợp;

- Chủ đầu tư có dự án xử lý CTR sinh hoạt vào các khu xử lý trọng điểm của tỉnh theo quy hoạch, có công suất trên 200 tấn/ngày.đêm trở lên bằng công nghệ đốt;

- Chủ đầu tư có dự án xử lý CTR sinh hoạt tại các địa điểm khác có công suất xử lý trên 100 tấn/ngày.đêm đến dưới 200 tấn/ngày.đêm bằng công nghệ đốt;

- Các lò đốt đã đi vào hoạt động, có công suất tối thiểu 500 kg/giờ;

Các dự án đầu tư xử lý CTR sinh hoạt bằng công nghệ đốt phải được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành và phù hợp với Quy hoạch quản lý CTR tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 08/9/2016.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt với mức 320.000 đồng/01 tấn chất thải rắn sinh hoạt chưa phân loại, đã được vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn bằng công nghệ hỗn hợp tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn hoặc đến các khu xử lý khác bằng công nghệ đốt.

- Hỗ trợ toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng ngoài dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực đối với các dự án đầu tư tại các khu vực xử lý trọng điểm của tỉnh theo quy hoạch và các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt có công suất trên 100 tấn rác/ngày.đêm.

4. Nghiệm thu khối lượng và thanh toán

- Chủ đầu tư dự án xử lý CTR sinh hoạt tại các khu xử lý CTR trọng điểm của tỉnh phải lắp đặt hệ thống cân điện tử và camera giám sát tại công nhà máy để cân đo khối lượng rác thải vận chuyển hằng ngày về khu xử lý và được thanh toán chi phí xử lý theo từng quý hoặc cả năm trên cơ sở nghiệm thu khối lượng CTR sinh hoạt tại trạm cân.

- Khuyến khích chủ đầu tư các dự án khác lắp đặt hệ thống cân điện tử và camera giám sát khối lượng CTR sinh hoạt vận chuyển về nhà máy xử lý để phục vụ công tác nghiệm thu, thanh toán. Trường hợp chủ đầu tư các dự án khác không lắp đặt hệ thống cân điện tử và camera giám sát thì được thanh toán theo hình thức khoán khối lượng xử lý CTR sinh hoạt. Cơ sở tính khối lượng theo định mức phát thải bình quân đầu người và theo thống kê dân số của năm trước liền kề (tại khu vực đô thị định mức phát thải bằng 1,0 kg/người/ngày; tại khu vực nông thôn định mức phát thải bằng 0,55 kg/người/ngày).

5. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ xử lý CTR sinh hoạt tại các khu xử lý từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường hằng năm của tỉnh;

- Kinh phí đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung: Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%.

6. Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2021.

7. Dự toán kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ:

- Kinh phí hỗ trợ năm 2017: hỗ trợ cho 12 khu xử lý với khối lượng 390 tấn/ngày.đêm; kinh phí hỗ trợ xử lý 47,3 tỷ đồng.

- Kinh phí hỗ trợ năm 2018: hỗ trợ cho 12 khu xử lý của năm 2017 và 04 dự án mới đi vào hoạt động với khối lượng 1.155 tấn/ngày.đêm; kinh phí hỗ trợ xử lý 134,9 tỷ đồng.

- Kinh phí hỗ trợ năm 2019: hỗ trợ cho 12 khu xử lý của năm 2017, 04 khu xử lý của năm 2018 và 02 dự án mới đi vào hoạt động với tổng khối lượng 1.555 tấn/ngày.đêm; kinh phí hỗ trợ xử lý 181,62 tỷ đồng.

- Kinh phí hỗ trợ năm 2020 và 2021: hỗ trợ cho 12 khu xử lý của năm 2017, 04 khu xử lý của năm 2018, 02 khu xử lý của năm 2019 và 02 dự án mới đi vào hoạt động với tổng khối lượng 1.605 tấn/ngày.đêm; kinh phí hỗ trợ xử lý 187,46 tỷ đồng.

Tổng kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ xử lý CTR sinh hoạt từ năm 2017 đến năm 2021 là 738,76 tỷ đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

8. Tổ chức thực hiện

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố xem xét, thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ; lập dự toán kinh phí xử lý CTR sinh hoạt hằng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án xử lý CTR sinh hoạt; xem xét việc hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động của dự án;

ký hợp đồng xử lý CTR sinh hoạt với chủ đầu tư; lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí xử lý, kịp thời thanh quyết toán chi phí xử lý CTR sinh hoạt cho chủ đầu tư theo quy định; đồng thời, có trách nhiệm giám sát việc cân đo khối lượng CTR sinh hoạt vận chuyển về khu xử lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn; tổng hợp số liệu báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ đầu tư có trách nhiệm xử lý khối lượng CTR đã vận chuyển về nhà máy xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; lắp đặt hệ thống cân đo khối lượng và lưu giữ số liệu; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước được UBND tỉnh giao.

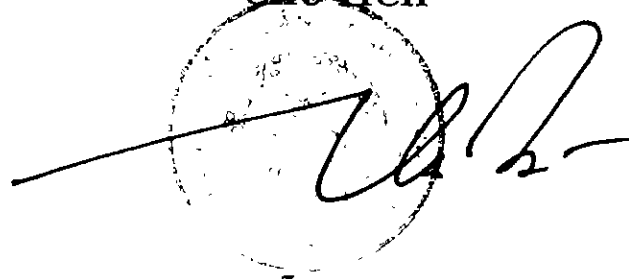
- Các sở, ban, ngành có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và chủ đầu tư thực hiện chính sách này.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTH (02).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng



Phụ lục 1:

**DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐÓT,
GIAI ĐOẠN 2017-2021**

(Kèm theo Tờ trình số: 158 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Khu xử lý	Công suất (tấn/ngày)	Kinh phí hỗ trợ (tỷ đồng)					Ghi chú
			2017	2018	2019	2020	2021	
I	CÁC DỰ ÁN ĐANG HOẠT ĐỘNG							
1	TT Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa	25	2,92	2,92	2,92	2,92	2,92	Vốn DN
2	Xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa	15	1,75	1,75	1,75	1,75	1,75	NS tỉnh
3	Xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hoa	10	1,17	1,17	1,17	1,17	1,17	Vốn DN
4	Xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương	70	8,18	8,18	8,18	8,18	8,18	Vốn DN
5	Phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn	150	17,52	17,52	17,52	17,52	17,52	Vốn DN
6	Xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân	15	1,75	1,75	1,75	1,75	1,75	NS huyện
7	Xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân	15	1,75	1,75	1,75	1,75	1,75	Vốn DN
8	Thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành	20	2,34	2,34	2,34	2,34	2,34	NS tỉnh
9	Xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc	15	1,75	1,75	1,75	1,75	1,75	NS xã
10	Xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc	15	1,75	1,75	1,75	1,75	1,75	NS xã
11	Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	20	2,34	2,34	2,34	2,34	2,34	Vốn DN
12	Xã Minh Thọ, huyện Nông Cống	20	2,34	2,34	2,34	2,34	2,34	Vốn DN
	Tổng I	390,0	45,55	45,55	45,55	45,55	45,55	
II	CÁC DỰ ÁN ĐANG ĐẦU TƯ							
1	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn	500	0	58,40	58,40	58,40	58,40	Vốn DN

TT	Khu xử lý	Công suất (tấn/ngày)	Kinh phí hỗ trợ (tỷ đồng)					Ghi chú
			2017	2018	2019	2020	2021	
2	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	200	0	23,36	23,36	23,36	23,36	Vốn DN
3	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	50	0	5,84	5,84	5,84	5,84	NS tỉnh
4	Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định	15	1,75	1,75	1,75	1,75	1,75	NS tỉnh
	Tổng II	765	1,75	89,35	89,35	89,35	89,35	
III	CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ							
1	Xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân	200	0	0	23,36	23,36	23,36	Vốn DN
2	Xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy	200	0	0	23,36	23,36	23,36	Vốn DN
3	Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa	25	0	0	0	2,92	2,92	Vốn DN
4	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc	25	0	0	0	2,92	2,92	Vốn DN
	Tổng III	450	0	0	46,72	52,56	52,56	
	Tổng cộng (I+II+III)	1605	47,3	134,9	181,62	187,46	187,46	

Tổng cộng: Chi phí hỗ trợ xử lý trong giai đoạn 2017-2021: 738,76 tỷ đồng.



Phụ lục 2:

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
CÁC DỰ ÁN XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT**

(Kèm theo Tờ trình số: 158 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của
UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích (ha)	Kinh phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)
A	Năm 2017	71,18	
1	Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn	15,0	Đã GPMB
2	Xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	0,68	Đã GPMB
3	Thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa	4,0	Đã GPMB
4	Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân	25,0	Đã GPMB
5	Xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa	3,0	Đã GPMB
6	Thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành	3,0	Đã GPMB
7	Xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc	1,5	Đã GPMB
8	Xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân	1,5	Đã GPMB
9	Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	5,0	Đã GPMB
10	Xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hóa	1,5	Đã GPMB
11	Xã Minh Thọ, huyện Nông Công	8,0	Đã GPMB
12	Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định	3,0	Đã GPMB
B	Năm 2018	108,0	2,25
1	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn	40,0	Đã GPMB
2	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	65,0	Đã GPMB
3	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	3,0	2,25
C	Năm 2019	25,0	18,75
1	Xã Xuân Phú, Thọ Xuân	15,0	11,25
2	Xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy	10,0	7,5
D	Năm 2020 – 2021	5,0	3,75
1	Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa	3,0	2,25
2	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc	2,0	1,5
	Tổng cộng	209,2	25,0

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2016/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2016

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý
chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày tháng ... năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/HĐND-KTNS ngày.....tháng..... năm 2016 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số /TTr-UBND ngày....tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

Chủ đầu tư có dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ hỗn hợp và công nghệ đốt, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cho phép đầu tư và đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành; phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đã được phê duyệt; bao gồm:

- Chủ đầu tư có dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu xử lý chất thải rắn xã Đông Nam, huyện Đông Sơn có công suất xử lý 500 tấn/ngày.đêm bằng công nghệ hỗn hợp;

- Chủ đầu tư có dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt vào 04 khu xử lý trọng điểm của tỉnh theo quy hoạch, có công suất trên 200 tấn/ngày.đêm bằng công nghệ đốt, gồm: *Khu xử lý chất thải rắn tại phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn; Khu xử lý chất thải rắn tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia; Khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân; Khu xử lý chất thải rắn tại xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy;*

- Chủ đầu tư có dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các địa điểm khác có công suất xử lý trên 100 tấn/ngày.đêm bằng công nghệ đốt;

- Các dự án cải tạo, nâng cấp lò đốt đã đi vào hoạt động, có công suất tối thiểu 500 kg/giờ.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt: 320.000 đồng/tấn. Mức hỗ trợ trên là tổng chi phí chủ đầu tư được thanh toán để xử lý 1,0 tấn chất thải rắn sinh hoạt chưa phân loại được vận chuyển đến khu xử lý (bằng công nghệ hỗn hợp tại khu xử lý chất thải rắn xã Đông Nam, huyện Đông Sơn hoặc xử lý bằng công nghệ đốt tại các khu xử lý chất thải rắn khác).

- Hỗ trợ toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng ngoài dự án (đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện) nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực đối với các dự án tại 05 khu vực xử lý trọng điểm của tỉnh theo quy hoạch và các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt có công suất trên 100 tấn rác/ngày.đêm.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu xử lý từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường hằng năm của tỉnh;

- Kinh phí đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực từ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó: Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%.

4. Thời gian hỗ trợ: Từ 01/01/2017 đến hết 31/12/2021.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày ... tháng ... năm 2016 và có hiệu lực từ ngày tháng năm /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, TN&MT, XD, KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Số: *1442* /STP-XDVB
V/v Tham gia ý kiến

Thanh Hóa, ngày *02* tháng *11* năm *2016*

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 5156/STNMT-BVMT ngày 27/10/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tham gia ý kiến dự thảo "*Nghị quyết ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*". Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Thẩm quyền ban hành văn bản:

Theo quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương, biện pháp để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia trong lĩnh vực môi trường. Do vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành "*Nghị quyết ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*" là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Căn cứ pháp lý:

Tại Căn cứ thứ 5 dự thảo ghi: "*Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025*" là không phù hợp với Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL. Đề nghị bỏ căn cứ này.

3. Nội dung văn bản:

a. Tại khoản 2 Điều 1 có tiêu đề là mức hỗ trợ, tuy nhiên không thể hiện rõ các nội dung hỗ trợ, điểm cuối quy định về nội dung hỗ trợ song không quy định về mức hỗ trợ. Do vậy, đề nghị:

- Đối với nội dung chủ đầu tư được giao mặt bằng sạch, được miễn tiền thuê đất thực hiện dự án. Đề nghị bỏ nội dung này, vì đã được quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-Cp ngày 14/02/2015 của Chính phủ;

- Đối với nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực. Đề nghị cần quy định cụ thể mức hỗ trợ.

b. Khoản 4 Điều 1 dự thảo về thời gian hỗ trợ, dự thảo ghi: "Từ năm 2017 đến hết năm 2021". Đề nghị điều chỉnh lại thành: "Từ 01/01/2017 đến 31/12/2021" cho cụ thể.

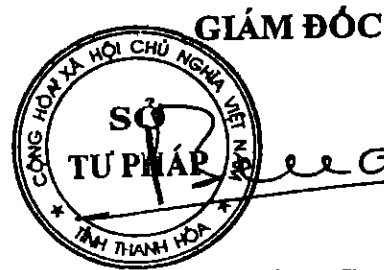
4. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:

Dự thảo đã đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật.

Kính chuyển Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, XDVB.



Bùi Đình Sơn